TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SƠN DƯƠNG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **17**/2022/HNGĐ-ST
Ngày 11/02/2022
"V/v: Ly hôn, giao nuôi con chung khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Tạ Hồng Chiến.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Sơn và ông Nguyễn Sơn Hải

Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Huệ - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Dương mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 532/2021/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2021 về việc "*Ly hôn, giao nuôi con chung khi ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Đỗ Minh T, sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn V, xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

- *Bị đơn:* Chị Lý Thị D, sinh năm 1994

Địa chỉ: Thôn V, xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

(Các đương sự vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Đỗ Minh T. và chị Lý Thị D. kết hôn với nhau vào năm 2013, trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 09/12/2013. Quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong lối sống, sinh hoạt, từ năm 2019 đến nay anh chị sống ly thân. Xác định tình

cảm vợ chồng không còn, tháng 11/2021 anh Đỗ Minh T. có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương giải quyết cho anh được ly hôn với chị Lý Thị D.

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Đỗ Minh T. trình bầy: Anh và chị Lý Thị D. kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn anh chị sinh sống làm việc tại thôn V, xã H, huyện S, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không đồng nhất quan điểm về cách sống, kinh tế. Từ năm 2019 đến nay anh chị sống ly thân. Nay anh Đỗ Minh T. có quan điểm đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương giải quyết cho anh được ly hôn với chị Lý Thị D.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Đỗ Hoàng Th, sinh ngày 11/01/2014 và Đỗ Minh P, sinh ngày 03/8/2016. Các cháu hiện đang sống cùng anh T, nếu ly hôn anh T. nhận trực tiếp nuôi dưỡng 02 cháu, không yêu cầu chị Lý Thị D. phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Anh Đỗ Minh T. xác định vợ chồng không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Kết quả xác minh thể hiện: Chị Lý Thị D. có hộ khẩu thường trú tại thôn V, xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Chị Lý Thị D. và anh Đỗ Minh T. kết hôn với nhau vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm. Năm 2019 chị D. đi làm ăn xa không báo chính quyền, địa phương, hiện tại chị D. không có mặt ở địa phương.

Chị Lý Thị D. hiện đi làm ăn xa, không có mặt ở địa phương, không xác định được địa chỉ. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương không triệu tập được chị D. đến trụ sở Tòa án để lấy lời khai, tổ chức phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải được. Sau khi Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử thì nhận được đơn xin xử vắng mặt của chị Lý Thị D. với nội dung: Chị là vợ anh Đỗ Minh T, chị làm đơn vắng mặt với lý do chị hiện đang đi làm ăn ở vùng dịch không về được, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương xem xét giải quyết cho chị.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn khi tham gia tố tụng đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; riêng đối với bị đơn không chấp hành nghiêm quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung vụ án: Anh Đỗ Minh T. và chị Lý Thị D. kết hôn vào năm 2013 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện S. là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc thời gian đầu sau đó phát sinh mâu thuẫn, anh chị đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Do vậy, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và

gia đình, đề nghị HĐXX xử cho anh Đỗ Minh T. được ly hôn với chị Lý Thị D.; về con chung: giao cháu Đỗ Hoàng Th, sinh ngày 11/01/2014 và Đỗ Minh P, sinh ngày 03/8/2016 cho anh Đỗ Minh T. trực tiếp chăm sóc, giáo dục theo quy định tại Điều 81, 82 luật Hôn nhân và gia đình; về tài sản, đất đai, công nợ chung: Các đương sự không có, không đề nghị giải quyết nên không đề cập xử lý. Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị HĐXX giải quyết về án phí và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện anh Đỗ Minh T. đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương giải quyết cho anh được ly hôn với chị Lý Thị D. và giao nuôi con chung; không đề nghị giải quyết về tài sản, công nợ chung. Do vậy quan hệ pháp luật ở đây được xác định là "*Ly hôn, giao nuôi con khi ly hôn"*, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2]. Về việc tham gia tố tụng của các đương sự:

Căn cứ kết quả xác minh thể hiện bị đơn chị Lý Thị D. có hộ khẩu thường trú tại thôn V, xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang, hiện chị D. đi làm ăn xa, không xác định được địa chỉ. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập chị D. nhưng chị D. không đến làm việc, đây được xác định thuộc trường hợp bị đơn cố tình trốn tránh nghĩa vụ, Tòa án vẫn tiến hành giải quyết vụ án theo quy định tại các Điều 28, 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Đỗ Minh T. và bị đơn chị Lý Thị D. vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Đỗ Minh T. và chị Lý Thị D. kết hôn với nhau trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 09/12/2013 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc sau phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, từ năm 2019 đến nay vợ chồng sống ly thân, hiện tại chị D. không có mặt ở địa phương. Tháng 11/2021 anh T. có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị D.

Như vậy, cuộc sống hôn nhân của anh Đỗ Minh T. và chị Lý Thị D. thời gian đầu hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn đã đến mức làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, vợ chồng hiện sống ly thân. Căn cứ

theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, có cơ sở chấp nhận xử cho anh Đỗ Minh T. được ly hôn với chị Lý Thị D.

- Về con chung: Anh Đỗ Minh T. và chị Lý Thị D. có 02 con chung là Đỗ Hoàng Th, sinh ngày 11/01/2014 và Đỗ Minh P, sinh ngày 03/8/2016, các cháu hiện đang ở với anh T. tại thôn V, xã H, huyện S.

Xét thấy, cháu Đỗ Hoàng Th. và Đỗ Minh P. là con chung của anh Đỗ Minh T. và chị Lý Thị D. nên anh chị đều cùng phải có nghĩa vụ và trách nhiệm đối với các cháu. Quá trình giải quyết anh Đỗ Minh T. có quan điểm đề nghị giao con chung cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, cháu Đỗ Hoàng Th. có nguyện vọng được ở với bố, chị Lý Thị D. hiện không có mặt ở địa phương. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung và đảm bảo quyền lợi của các đương sự sau khi ly hôn, cần giao cháu Đỗ Hoàng Th, sinh ngày 11/01/2014 và Đỗ Minh P, sinh ngày 03/8/2016 cho anh Đỗ Minh T. trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị Lý Thị D. không phải cấp dưỡng nuôi con (do anh T. không yêu cầu) và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở

- Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Anh Đỗ Minh T. và chị Lý Thị D. không có, không đề nghị giải quyết nên không xem xét.

[4]. Về án phí: Anh Đỗ Minh T. phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định pháp luật.

[5]. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 235, 266, 271, 273 - Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 - Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Đỗ Minh T. được ly hôn với chị Lý Thị D.

2. Về con chung: Giao cháu Đỗ Hoàng Th, sinh ngày 11/01/2014 và Đỗ Minh P, sinh ngày 03/8/2016 cho anh Đỗ Minh T. trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Lý Thị D. không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Đỗ Minh T. phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001831 ngày 30 tháng 11 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sơn Dương. Anh T. đã nộp đủ án phí của vụ án.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh TQ;*
- *VKSND huyện SD;*
- *Chi cục THADS huyện SD;*
- *UBND xã V. (Nơi ĐKKH);*
- *UBND xã H. (Nơi ĐKHKTT);*
- *Các đương sự;*
- *Lưu VT- HS.*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tạ Hồng Chiến